

Số: 64/2017/QĐST-HNGĐ

Văn Bản, ngày 11 tháng 9 năm 2017.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 71/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017. Giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1975.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã V, huyện V, tỉnh L.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Xã V, huyện V, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn M thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Anh Hoàng Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thị D, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2001; cháu Hoàng Thị L, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2003; cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 05/5/2005 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Thị D cùng anh Hoàng Văn M là 500.000đ/tháng (Năm trăm nghìn đồng/01 tháng) cho đến khi cháu Hoàng Thị D đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Thị L, cháu Hoàng Văn T cùng anh Hoàng Văn M.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D nhận chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình và 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Tổng cộng là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2012/08092 ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hoàng Văn M không phải nộp áp phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Vĩnh Thái